

CHUYÊN MỤC

KINH TẾ HỌC - XÃ HỘI HỌC

NHỮNG YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TÍCH TỤ RUỘNG ĐẤT Ở VÙNG TÂY NAM BỘ

HOÀNG THỊ THU HUYỀN

Bài viết sử dụng các mô hình hồi quy đa biến dựa trên cơ sở dữ liệu của các cuộc Điều tra Mức sống hộ gia đình Việt Nam, các kết quả khảo sát thực địa, phỏng vấn sâu, phỏng vấn nhóm hộ gia đình và cán bộ cơ sở để phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tích tụ ruộng đất vùng Tây Nam Bộ. Kết quả cho thấy có sáu nhóm yếu tố ảnh hưởng, bao gồm: đặc điểm của hộ gia đình, sinh kế hộ gia đình, điều kiện sinh thái, chính sách, thị trường đất đai, tập quán của dân cư. Kết quả này là một trong những cơ sở để tìm ra các giải pháp cho vấn đề tích tụ ruộng đất ở vùng Tây Nam Bộ trong bối cảnh hiện nay.

1. GIỚI THIỆU

Tây Nam Bộ là vựa lúa, trái cây và thủy hải sản lớn nhất cả nước. Dù được thiên nhiên ưu đãi nhưng kinh tế nông nghiệp và đời sống người nông dân Tây Nam Bộ vẫn còn nhiều khó khăn. Năm 2013, tỷ lệ hộ nghèo của vùng là 9,2% (đã giảm từ 39,6% năm 1998), vẫn là tỷ lệ khá cao và cao hơn rất nhiều so với vùng Đồng bằng sông Hồng - nơi cũng có điều kiện tự nhiên phù hợp với phát triển nông nghiệp

(Tổng cục Thống kê, 2014). Sản xuất nông nghiệp Tây Nam Bộ vẫn đa phần là nhỏ lẻ, manh mún, do đó giá trị nông sản không cao và liên tục rơi vào tình trạng “được mùa mất giá”. Để nâng cao đời sống người dân và giá trị nông sản thì việc sản xuất nông nghiệp hiện đại trên quy mô lớn phải được đặt ra mà trong đó tích tụ ruộng đất là một trong những điều kiện quan trọng. Tuy nhiên, nghiên cứu thực trạng ở vùng Tây Nam Bộ cho thấy tích tụ ruộng đất chưa thực sự mạnh mẽ và còn gặp nhiều trở ngại. Vậy đâu là những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình này?

Hoàng Thị Thu Huyền. Thạc sĩ. Trung tâm Kinh tế học. Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

Kết hợp phương pháp nghiên cứu định lượng và định tính là hết sức cần thiết để tìm ra câu trả lời cho vấn đề nghiên cứu nêu trên. Mô hình hồi quy đa biến với các bộ số liệu về điều tra mức sống hộ gia đình được tiến hành mỗi hai năm sẽ cho thấy quá trình thay đổi về ruộng đất của hộ gia đình và các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình này. Các kết quả khảo sát thực địa góp phần làm rõ hơn các vấn đề chưa được đo lường trong mô hình định lượng và giải thích bổ sung cho các phân tích định lượng.

2. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TÍCH TỤ RUỘNG ĐẤT TÂY NAM BỘ TỪ KẾT QUẢ MÔ HÌNH KINH TẾ LƯỢNG

2.1. Cơ sở lý thuyết của mô hình

Nghiên cứu của Bentley (1987) và Simmons (1988) đã xác định một số tham số để đo lường quy mô tích tụ ruộng đất: sự tăng lên của quy mô diện tích đất hộ gia đình, giảm số mảnh và tăng diện tích trung bình của mảnh. Blarel và cộng sự (1992) đã giới thiệu chỉ số Simson - một chỉ số tổng hợp để phản ánh quy mô tích tụ ruộng đất.

Chỉ số Simson được tính như sau:

$$SI = 1 - \frac{\sum_{i=1}^n a_i^2}{(\sum_{i=1}^n a_i)^2}$$

Trong đó n là số mảnh và a là diện tích của mảnh. Chỉ số này có giá trị nằm trong khoảng từ 0 đến 1 (Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn, 2009).

Trên cơ sở này, nghiên cứu của Viện Chính sách và Chiến lược phát triển

nông nghiệp nông thôn (2009) đưa ra mô hình phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến tích tụ và tập trung đất nông nghiệp theo chỉ số Simson như sau:

$$SI_{it} = \beta_1 + \beta_2 X_{it} + \beta_3 M_{it} + \beta_4 C_{it} + \beta_5 S_{it} + \alpha_i + v_{it} \quad (t=1,2)$$

Trong đó: SI_{it} là chỉ số Simson, có giá trị nằm trong khoảng từ 0 đến 1.

X_{it} là đặc điểm của hộ gia đình i tại thời điểm t .

M_{it} là các biến liên quan đến thị trường đất i tại thời điểm t .

C_{it} bao gồm các thông tin về đặc điểm của xã i tại thời điểm t .

S_{it} bao gồm các biến liên quan đến hoạt động phi nông nghiệp của hộ gia đình i tại thời điểm t .

α_i là các biến không quan sát được nhưng có ảnh hưởng đến quá trình tích tụ và tập trung ruộng đất của hộ gia đình i .

Tuy nhiên, quy mô tích tụ ruộng đất không chỉ được đo lường bằng chỉ số mảnh đất (chỉ số Simson) mà còn được đo lường bằng hai tham số khác là sự tăng lên của quy mô diện tích đất hộ gia đình và tăng diện tích trung bình của mảnh. Vì thế, hàm hồi quy phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến tích tụ ruộng đất theo chỉ số Simson có thể được thay bằng hàm hồi quy phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến tích tụ ruộng đất theo sự tăng lên của quy mô diện tích đất hộ gia đình. Đây chính là hàm hồi quy được áp dụng trong nghiên cứu này.

2.2. Mô hình hồi quy các yếu tố ảnh hưởng đến tích tụ ruộng đất Tây Nam

Bộ và sự lựa chọn các biến của mô hình

Cơ sở lý thuyết, các nghiên cứu đi trước và thực tế cho thấy tích tụ ruộng đất là một quá trình và cần được xem xét từ hai chiều: tác động thúc đẩy tích tụ ruộng đất và tác động hạn chế tích tụ ruộng đất. Do đó, việc lựa chọn biến phụ thuộc của mô hình là sự thay đổi quy mô diện tích ruộng đất của hộ gia đình (với các giá trị âm, dương và bằng không) sẽ phù hợp để phân tích từ hai chiều tác động. Ở một khía cạnh khác, có thể dựa vào việc có tích tụ hay không tích tụ ruộng đất để tìm ra các yếu tố ảnh hưởng đến nó. Xây dựng thêm một mô hình hồi quy có biến phụ thuộc là xác suất tích tụ ruộng đất sẽ giúp cho những kết luận của nghiên cứu đầy đủ hơn.

Đối với việc lựa chọn biến độc lập. Xét về mặt thời gian, một sự thay đổi nào đó có thể xuất phát từ những yếu tố gốc, những yếu tố cùng song song thay đổi và cả những yếu tố mang tính cố định. Trong sản xuất nông nghiệp những yếu tố cố định và thay đổi này là các yếu tố trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến sản xuất như diện tích đất, chi phí sản xuất, thu nhập, tài sản cố định, vốn vay, lao động... Ngoài ra, việc thay đổi ruộng đất còn phụ thuộc vào những yếu tố cố định, gồm đặc điểm cá nhân của chủ hộ, đặc điểm của ấp, xã nơi hộ gia đình sinh sống (tươi tiêu, giao thông, hoạt động chuyển nhượng đất đai...).

Hàm hồi quy các yếu tố ảnh hưởng đến tích tụ ruộng đất nông nghiệp của

hộ gia đình tại thời điểm t được xây dựng như sau:

$$Y_{it} = \beta_1 + \beta_2 X1_{it} + \beta_3 X2_{it} + \beta_3 X3_{it} + \beta_4 X4_{it} + \alpha_i \quad (t=1,2,3)$$

Trong đó: Y_{it} bao gồm 2 trường hợp:

(1) *Thay đổi quy mô ruộng đất* của hộ gia đình thời điểm t_2 so với thời điểm t_1 và t_3 so với thời điểm t_2 . (2) *Xác suất tích tụ ruộng đất*⁽¹⁾ thời điểm t_2 so với thời điểm t_1 và t_3 so với thời điểm t_2 .

$X1_{it}$: Đặc điểm cá nhân của chủ hộ gia đình i tại thời điểm t_1, t_2 . $X1_{it}$ bao gồm giới tính, tuổi, thành phần dân tộc, trình độ học vấn của chủ hộ.

$X2_{it}$: Các yếu tố gốc thuộc hộ gia đình i tại thời điểm t_1, t_2 : diện tích đất, tài sản cố định của hộ gia đình, thu nhập của hộ gia đình, số lượng lao động nông nghiệp hộ gia đình, tỷ lệ thu nhập phi nông nghiệp của hộ gia đình.

$X3_{it}$: Các yếu tố thay đổi thuộc hộ gia đình i thời điểm t_2 so với thời điểm t_1 và thời điểm t_3 so với thời điểm t_2 : tài sản cố định của hộ gia đình, thu nhập của hộ gia đình, số lượng lao động nông nghiệp hộ gia đình, vốn vay đầu tư sản xuất, tỷ lệ thu nhập phi nông nghiệp của hộ gia đình.

$X4_{it}$: Các yếu tố ảnh hưởng ngoại vi của xã có hộ gia đình i tại thời điểm t_1, t_2 : bao gồm các yếu tố thuộc về thôn, xã như tươi tiêu, giao thông, tỷ lệ chuyển nhượng đất đai.

α_i : Các biến không quan sát được nhưng có ảnh hưởng đến quá trình tích tụ ruộng đất như: chất lượng đất, sự không liên mảnh của ruộng đất,

đặc điểm văn hóa của địa phương, các yếu tố về thể chế...

2.3. Định nghĩa biến và cách đo lường

- Thay đổi quy mô ruộng đất: Sự thay đổi diện tích đất canh tác lúa của hộ gia đình (bao gồm đất có chủ quyền, đất thuê mướn, đất nhận cầm cố) kỳ này so với kỳ trước. Đơn vị tính: ha.

- Xác suất tích tụ ruộng đất: Nhận giá trị 1 nếu hộ gia đình có tích tụ ruộng đất và giá trị 0 nếu không có tích tụ ruộng đất kỳ này so với kỳ trước.

- Tuổi của chủ hộ: Đơn vị: tuổi.

- Trình độ học vấn của chủ hộ: Được đo lường dựa trên khả năng biết đọc biết viết và số năm đi học của chủ hộ. Đơn vị tính: điểm 0 - không biết đọc viết; 1 - biết đọc viết nhưng chưa học hết lớp 1; 2 - học hết lớp 1; 3 - học hết lớp 2; 13 - học hết lớp 12; 15 - học xong lớp đào tạo nghề; 16 - học hết cao đẳng; 17 - học xong đại học.

- Giới tính của chủ hộ: Nhận giá trị 0 nếu chủ hộ là nữ và nhận giá trị 1 nếu chủ hộ là nam.

- Thành phần dân tộc của chủ hộ: Nhận giá trị 1 nếu chủ hộ là người Kinh hoặc người Hoa và nhận giá trị 0 nếu dân tộc khác. Dựa trên giả định rằng người Kinh và người Hoa có thói quen sản xuất và phương thức sinh hoạt gần giống nhau.

- Diện tích đất: Tổng diện tích đất canh tác lúa của hộ gia đình kỳ này. Đơn vị: ha.

- Tài sản số định của hộ gia đình: Tổng giá trị tài sản cố định của hộ gia đình kỳ này. Đơn vị: ngàn đồng.

- Thu nhập hộ gia đình: Tổng thu nhập hộ gia đình trong năm từ sản xuất nông nghiệp và các nguồn khác. Đơn vị: ngàn đồng.

- Số lượng lao động nông nghiệp hộ gia đình: Số lao động làm nông nghiệp của hộ gia đình. Đơn vị: người.

- Tỷ lệ thu nhập phi nông nghiệp hộ gia đình: Tỷ lệ thu nhập phi nông nghiệp của hộ gia đình trên tổng thu nhập của hộ. Đơn vị: %.

- Thay đổi giá trị tài sản cố định hộ gia đình: Sự thay đổi về giá trị tài sản cố định của hộ gia đình kỳ này so với kỳ trước. Đây là tài sản cố định chung của hộ gia đình gồm cả tài sản cố định dùng cho sản xuất và phi sản xuất, với ý nghĩa tài sản cố định phản ánh phần nào khả năng tài chính của hộ gia đình. Đơn vị: ngàn đồng.

- Thay đổi số lượng lao động nông nghiệp hộ gia đình: Sự thay đổi về số lượng lao động nông nghiệp của hộ gia đình kỳ này so với kỳ trước. Đơn vị: người.

- Thay đổi vốn vay đầu tư sản xuất: Sự thay đổi về số tiền vay đầu tư cho sản xuất của hộ gia đình kỳ này so với kỳ trước. Đơn vị: ngàn đồng.

- Thay đổi thu nhập hộ gia đình: Sự thay đổi về giá trị tuyệt đối thu nhập của hộ gia đình kỳ này so với kỳ trước. Đơn vị: ngàn đồng.

- Thay đổi tỷ lệ thu nhập phi nông nghiệp hộ gia đình: Sự thay đổi tỷ lệ % thu nhập phi nông nghiệp trên tổng thu nhập của hộ gia đình kỳ này so với kỳ trước. Đơn vị: %.

- Tưới tiêu trong xã: Tỷ lệ % diện tích

đất trồng cây hằng năm được tưới tiêu cả năm. Đơn vị: %.

- Tỷ lệ giao dịch chuyển nhượng đất trong xã: Tỷ lệ được tính bằng tổng số lượt giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chuyển nhượng cả năm chia cho tổng số các hộ trong xã bao gồm cả thường trú, tạm trú. Đơn vị: %.

- Giao thông 1: Áp dụng trong trường hợp hộ nằm ở ấp mà đường thủy không quan trọng, nhận giá trị 1 nếu có đường ô tô đến ấp và ngược lại nhận giá trị 0.

- Giao thông 2: Áp dụng trong trường hợp hộ nằm ở ấp mà đường thủy quan trọng, nhận giá trị 1 nếu có đường ô tô đến ấp và ngược lại nhận giá trị 0.

2.4. Cơ sở dữ liệu của mô hình

Điều tra Mức sống hộ gia đình Việt Nam các kỳ 2004, 2006, 2008 được thiết kế mô-đun chính về chi tiêu và thu nhập trong bảng câu hỏi và duy trì khả năng so sánh theo thời gian. Tuy nhiên đến năm 2010, việc đảm bảo khả năng so sánh một cách chặt chẽ đòi hỏi chi phí quá cao, do đó *Điều tra Mức sống hộ*

gia đình Việt Nam 2010 có sự đứt gãy so với loạt *Điều tra Mức sống hộ gia đình Việt Nam 2004 - 2008* dựa trên một mẫu chuẩn mới. Hơn thế

nữa, dữ liệu 2010 - 2012 không đủ cơ sở để chạy với mô hình xác suất tích tụ ruộng đất vì chỉ có 1,7% hộ gia đình (tương ứng số tuyệt đối là 4 hộ) từ năm 2010 đến 2012 có tích tụ ruộng đất theo như tiêu chí tích tụ ở phần trên.

Đây là lý do mà nghiên cứu chỉ sử dụng dữ liệu 2004 - 2006 - 2008 cho mô hình hồi quy để đáp ứng kỳ vọng tìm ra yếu tố ảnh hưởng đến sự thay đổi diện tích và tích tụ ruộng đất của hộ gia đình.

Dữ liệu được sử dụng là dữ liệu bảng đối với các hộ gia đình có canh tác lúa trên toàn vùng Tây Nam Bộ được khảo sát lặp lại qua 3 kỳ điều tra 2004, 2006 và 2008.

2.5. Kết quả mô hình hồi quy các yếu tố ảnh hưởng đến tích tụ ruộng đất vùng Tây Nam Bộ⁽²⁾

2.5.1. Mô hình “Thay đổi quy mô ruộng đất hộ gia đình” (MH1)

Với cơ sở dữ liệu bảng, sử dụng dạng Pooled⁽³⁾, mô hình này có thể giải thích 22,53% sự biến thiên của biến phụ thuộc bởi các biến độc lập trong mô hình. Bốn biến độc lập phù hợp

Bảng 1: Các biến có ý nghĩa thống kê và năng lực giải thích “thay đổi quy mô ruộng đất hộ gia đình”

Biến độc lập	Hệ số hồi quy (β_k)	Kiểm định thống kê t
Tuổi chủ hộ	1.79395	0.036**
Tài sản cố định năm gốc của hộ	-0.75298	0.003*
Thay đổi tỷ lệ thu nhập phi nông nghiệp của hộ	-1.6649	0.008*
Tỷ lệ giao dịch chuyển nhượng đất của xã	-0.34686	0.031**
R^2 hiệu chỉnh	0,2253	
Số quan sát	114	
Thống kê F	Prob > F= 0.0006	

với mức ý nghĩa thống kê 5% và 1% gồm: tuổi của chủ hộ, tài sản cố định của hộ (năm gốc), thay đổi tỷ lệ lao động phi nông nghiệp hộ gia đình và tỷ lệ giao dịch chuyển nhượng đất của xã.

Kết quả của mô hình cho thấy:

* Tuổi chủ hộ cao hơn thì khả năng tăng thêm ruộng đất cũng cao hơn. Điều này có thể xảy ra trong những gia đình mà khi cha mẹ già, con cái làm nghề nông là chủ yếu thì cha mẹ cố gắng có thêm ruộng đất để cho con cái có kế sinh nhai hoặc giữ đất để lại cho con cháu. Ngược lại, tuổi chủ hộ càng trẻ thì càng ít có khả năng tích tụ thêm ruộng đất hoặc bị giảm diện tích ruộng đất, có thể do họ mới lập nghiệp nên không có vốn liếng để mua hay thuê ruộng đất, hay ốm đau bệnh tật mà phải bán ruộng đất của gia đình.

* Tài sản cố định ban đầu của hộ gia đình càng lớn thì hộ gia đình có xu hướng càng giảm việc tích tụ ruộng đất. Dường như việc ảnh hưởng nghịch biến của tài sản cố định với tích tụ ruộng đất ở đây là không hợp

lý trừ khi giá trị tài sản cố định này phản ánh xu hướng các sinh kế phi nông nghiệp tăng lên và các hộ gia đình này giảm đầu tư vào ruộng đất.

* Khi nguồn thu nhập phi nông nghiệp tăng lên, xu hướng hộ gia đình tích tụ ruộng đất càng giảm vì cuộc sống của họ không còn sự phụ thuộc nhiều vào ruộng đất.

* Tỷ lệ giao dịch chuyển nhượng đất đai của xã càng cao thì các hộ gia đình càng có xu hướng giảm bớt việc mua thêm ruộng đất hoặc gia tăng bán ruộng đất hiện có. Điều này thể hiện thị trường đất đai sôi động sẽ tạo điều kiện thúc đẩy việc cho việc tích tụ ruộng đất (kể cả việc chủ thể tích tụ có thể không cư trú tại địa bàn xã).

2.5.2. Mô hình “xác suất tích tụ ruộng đất” hộ gia đình (MH2)

Đây là dạng mô hình Logit sử dụng cơ sở dữ liệu bảng⁽⁴⁾. Kết quả cho thấy có thể giải thích 35,85% sự biến thiên của biến phụ thuộc bởi các biến độc lập trong MH2. Có 4 biến độc lập đạt mức ý nghĩa thống kê 5% và 1% là tài sản cố định và thu nhập hộ gia đình kỳ gốc, thay đổi vốn vay cho hoạt động

Bảng 2. Các biến có ý nghĩa thống kê và năng lực giải thích “xác suất tích tụ ruộng đất hộ gia đình”

Biến độc lập	Hệ số hồi quy (β_k)	Kiểm định thống kê z	% thay đổi xác suất tích tụ so với ban đầu
Tài sản cố định năm gốc của hộ	-0.699432	0.026^{***}	-0.0968
Thu nhập năm gốc của hộ	2.085015	0.006[*]	0.2887
Thay đổi vốn vay của hộ	0.000106	0.001[*]	0.0000
Thay đổi tỷ lệ thu nhập phi nông nghiệp của hộ	-2.682372	0.003[*]	-0.3714
<i>Pseudo R²</i>	0,3585		
<i>Số quan sát</i>	114		
<i>Kiểm định Chi²</i>	<i>Prob > Chi² = 0.0001[*]</i>		

sản xuất và thay đổi tỷ lệ lao động phi nông nghiệp của hộ gia đình qua các kỳ điều tra.

Kết quả của mô hình cho thấy:

* Khi tài sản cố định hộ gia đình tăng lên thì xác suất để hộ gia đình tích tụ ruộng đất giảm đi. Ảnh hưởng nghịch biến của tài sản cố định trong MH2 cũng tương tự như ở MH1.

* Khi thu nhập hộ gia đình tăng lên thì xác suất để hộ gia đình tích tụ ruộng đất cũng tăng lên.

* Khi sự thay đổi về tỷ lệ thu nhập phi nông nghiệp của hộ gia đình tăng lên thì xác suất để hộ gia đình tích tụ đất giảm đi.

* Khi sự thay đổi về vốn vay cho hoạt động sản xuất tăng lên thì xác suất để hộ gia đình tích tụ ruộng đất cũng tăng lên.

2.6. Nhận định từ kết quả hồi quy của hai mô hình MH1, MH2

Hai mô hình MH1 và MH2 tuy khác nhau ở biến phụ thuộc nhưng đã cho những kết quả bổ sung và mang tính khẳng định cao hơn. Những yếu tố ảnh hưởng đến việc thay đổi diện tích đất của hộ gia đình, đồng thời cũng ảnh hưởng tới xác suất tích tụ ruộng đất là:

(1) Tài sản cố định hộ gia đình

(2) Tỷ lệ thu nhập phi nông nghiệp

Trong đó, tỷ lệ thu nhập phi nông nghiệp có ảnh hưởng mạnh nhất, đây cũng là yếu tố đóng vai trò quan trọng đối với việc tích tụ ruộng đất, vì nó có thể được tác động bởi các yếu tố khách quan và chính sách.

Bên cạnh đó, một số yếu tố khác trong từng mô hình đạt ý nghĩa thống kê cũng có ảnh hưởng đến tích tụ ruộng đất, gồm:

(1) Tuổi chủ hộ gia đình

(2) Thu nhập hộ gia đình

(3) Vốn vay cho hoạt động sản xuất

(4) Tỷ lệ giao dịch chuyển nhượng đất của xã

Trong đó, tuổi chủ hộ thể hiện xu hướng tích tụ ruộng đất của hộ gia đình, thu nhập và số lượng lao động nông nghiệp hộ gia đình thể hiện khả năng và động cơ của gia đình trong việc tích tụ ruộng đất. Vốn vay cho hoạt động sản xuất kinh doanh là điều kiện thúc đẩy hoạt động tích tụ. Tỷ lệ giao dịch chuyển nhượng đất đai cho thấy mức độ sôi động của thị trường đất đai tại địa phương, là cơ sở cho hoạt động chuyển nhượng đất.

3. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TÍCH TỤ RUỘNG ĐẤT VÙNG TÂY NAM BỘ TỪ KẾT QUẢ KHẢO SÁT THỰC ĐỊA VÀ TÀI LIỆU THỨ CẤP

3.1. Mô tả về cuộc khảo sát thực địa tại Long An

Long An là tỉnh có diện tích đất trồng lúa đứng thứ ba ở Tây Nam Bộ với 499,6ha (chỉ kém An Giang và Kiên Giang) (Tổng cục Thống kê, 2012). Mặt khác Long An tiếp giáp với TPHCM và thuộc Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam nên việc phát triển các khu công nghiệp và thu hút lao động ra thành phố làm việc là rất lớn. Như vậy, điều kiện tự nhiên và cả vị trí địa lý cho thấy Long An có nhiều cơ sở để diễn ra quá trình tích tụ ruộng đất.

Khảo sát thực địa được tiến hành vào tháng 9/2013 tại huyện Vĩnh Hưng, thị xã Kiến Tường và huyện Đức Hòa. Mỗi huyện chọn ra hai xã, mỗi xã chọn một ấp theo tiêu chí thuận tiện để khảo sát. Trong mỗi ấp, chọn có chủ đích hai hộ gia đình tích tụ được nhiều ruộng đất nhất và hai hộ có diện tích ruộng đất ít nhất hoặc không có đất sản xuất để tiến hành phỏng vấn sâu. Như vậy tổng số hộ phỏng vấn sâu là 24 hộ. Ngoài ra, nghiên cứu cũng lựa chọn 2 nhóm (mỗi nhóm 5 người) gồm các chủ hộ tích tụ được nhiều ruộng đất cùng sinh sống trong một ấp để thực hiện phỏng vấn nhóm. Đối với cán bộ địa phương, nghiên cứu thực hiện 16 cuộc phỏng vấn với các đối tượng cán bộ phụ trách nông nghiệp nông thôn, khuyến nông từ cấp tỉnh đến cấp xã.

3.2. Các yếu tố ảnh hưởng tới tích tụ ruộng đất Tây Nam bộ

3.2.1. Lịch sử sở hữu ruộng đất Tây Nam Bộ

Ở Tây Nam Bộ, ruộng đất từ ban đầu do nông dân khai khẩn, rồi để lại cho con cháu. Ngay cả những năm sau này, vùng Đồng Tháp Mười cũng mới được khai hoang, thau chua rửa mặn và dần dần có một khuôn mặt như ngày nay. Chính vì thế sở hữu tư nhân về ruộng đất ở Tây Nam Bộ phổ biến hơn các vùng miền khác trên cả nước.

Theo số liệu *Điều tra Mức sống hộ gia đình Việt Nam* năm 2006 và 2008 của Tổng cục Thống kê, thì ở Tây Nam Bộ nguồn gốc đất nhiều nhất là từ thừa kế, chiếm 31,82 năm 2006 và

38,26 năm 2008, tỷ lệ này cao nhất so với cả nước. Mặt khác nguồn gốc đất từ việc mua, thuê cũng có tỷ lệ cao cả ở Tây Nam Bộ. Cả hai năm 2006, 2008, nguồn gốc đất từ việc mua của Tây Nam Bộ chỉ thấp hơn Đông Nam Bộ, còn nguồn gốc đất từ việc thuê mượn cao nhất cả nước với tỷ lệ thuê là 9,87%, mượn là 1,49% (xem Bảng 3).

Khảo sát của Trần Hữu Quang (2013, tr. 88) cũng cho kết quả có tới 54% diện tích là ruộng đất do ông bà hoặc cha mẹ để lại, 39% do mua lại, 5% do khai hoang, và 3% do được nhà nước chia cấp. Tính theo số hộ gia đình thì 68% hộ có đất do ông bà hoặc cha mẹ để lại, và 40% hộ có đất do mua lại.

Tương tự, hơn 70% nông hộ ở châu thổ sông Cửu Long có ruộng đất do ông bà hoặc cha mẹ để lại, và hơn 34% có ruộng đất do mua lại của hộ khác; trong khi đó, ở châu thổ sông Hồng, chỉ có 3% nông hộ có đất do cha mẹ để lại và 1% nông hộ có đất do mua lại (Bùi Quang Dũng, Đặng Thị Việt Phương, 2011, tr. 16).

Chính lịch sử và những đặc điểm nguồn gốc ruộng đất đã tác động đến tâm lý mong muốn sở hữu riêng và là động lực tích tụ ruộng đất của người dân Tây Nam Bộ.

3.2.2. Đặc điểm thị trường ruộng đất Tây Nam Bộ

Xét về nguồn gốc đất như phần trên thì việc mua, thuê ruộng đất có tỷ lệ cao cả ở Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ cho thấy thị trường đất đai chủ yếu hoạt động ở các tỉnh miền Nam.

Bảng 3: Nguồn gốc các mảnh đất (%)

Nguồn gốc đất	Năm	Cả nước	Đồng bằng sông Hồng	Đồng Bắc	Tây Bắc	Bắc Trung Bộ	Duyên hải Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Tây Nam Bộ
Giao quyền sử dụng	2006	43,33	65,63	51,28	45,65	66,67	47,57	23,67	24,84	34,09
	2008	38,60	67,02	53,04	37,08	67,02	46,81	17,16	27,20	24,32
Khoán	2006	6,00	19,49	8,44	3,37	12,90	7,61	2,95	1,44	0,86
	2008	4,54	15,96	3,46	5,19	11,95	7,39	0,26	2,78	0,31
Thừa kế	2006	17,00	0,42	23,55	9,24	1,32	6,95	8,47	19,79	31,82
	2008	19,45	0,74	23,99	8,30	2,55	12,61	11,06	14,03	38,26
Đấu thầu	2006	1,77	6,14	0,89	0,35	8,22	2,87	0,00%	0,17	0,00
	2008	1,72	7,88	0,68	0,70	4,32	2,15	0,00	0,72	0,65
Mua	2006	12,33	0,70	4,44	0,98	0,33	6,82	18,71	29,53	22,73
	2008	11,43	0,42	4,61	0,16	0,29	2,25	21,72	24,86	21,76
Khai hoang	2006	15,33	0,59	8,67	39,13	4,65	25,44	40,00	18,17	1,23
	2008	16,40	0,50	10,79	46,88	3,85	22,28	44,04	16,58	2,74
Đổi	2006	0,06	0,09	0,03	0,00	0,04	0,11	0,04	0,13	0,08
	2008	0,14	0,34	0,20	0,00	0,02	0,35	0,00	0,14	0,12
Thuê	2006	3,67	4,97	0,53	0,29	1,32	2,37	4,54	2,97	6,46
	2008	5,60	5,03	0,81	0,92	7,20	3,99	4,55	7,96	9,87
Mượn	2006	1,44	1,40	2,17	0,60	2,44	1,36	0,88	1,64	1,33
	2008	1,88	1,99	2,13	0,72	2,64	2,01	1,02	5,74	1,49

Nguồn: Tổng cục Thống kê. *Điều tra Mức sống hộ gia đình* 2006, 2008.

Theo số liệu ở Bảng 3, khu vực Tây Nam Bộ có 21,76% nguồn gốc đất từ việc mua (chỉ thấp hơn Đông Nam Bộ) và nguồn gốc đất từ việc thuê mượn cao nhất cả nước với tỷ lệ thuê là 9,87%.

Trần Hữu Quang (2014, tr. 23) đưa ra hai nhận định “(a) việc mua bán ruộng đất là nhu cầu bình thường và phổ biến nơi nông hộ ở Nam Bộ, và (b) nhịp độ mua bán ruộng đất trong vài thập niên qua chứng tỏ nông hộ có vốn liếng và có khả năng canh tác thực sự có nhu cầu mở rộng sản xuất”. Với thị trường chuyển nhượng đất đai dễ dàng và sôi nổi thì cơ hội cho việc tích tụ ruộng đất cũng cao hơn và khả

thi hơn.

3.2.3. Chính sách về đất đai và tích tụ ruộng đất

Ngay sau ngày đất nước thống nhất, với chính sách xây dựng kinh tế tập thể trên phạm vi cả nước, nông dân Tây Nam Bộ được kêu gọi vào làm ăn tập thể trong các tổ sản xuất, tập đoàn sản xuất và hợp tác xã. Lúc này ruộng đất tập trung chủ yếu trong các tập đoàn sản xuất, tuy vẫn còn một số hộ nông dân nằm ngoài các tập đoàn. Có thể coi giai đoạn này có tích tụ ruộng đất theo chính sách của nhà nước nhưng thực tế không đem lại hiệu quả kinh tế và đã chấm dứt sau một thời gian ngắn.

Năm 1988 các tập đoàn sản xuất, hợp tác xã giải thể hoàn toàn, hình thành các hình thức hợp tác xã mới, hộ nông dân chính thức được coi là đơn vị kinh tế tự chủ, được giao ruộng đất canh tác lâu dài. Từ đây đến trước khi *Luật đất đai* đầu tiên được ban hành năm 1993 quy định về hạn điền, một xu hướng tích tụ đất đai đã hình thành. Ruộng đất được các hộ gia đình có điều kiện khai hoang, mua thêm từ các hộ không có khả năng canh tác, làm ăn thua lỗ hoặc gặp hoàn cảnh khó khăn, đáp ứng mong muốn tư hữu ruộng đất của người nông dân.

Luật đất đai năm 1993 chính thức giao đất cho hộ gia đình, công nhận năm quyền sử dụng bao gồm quyền chuyển nhượng, trao đổi, cho thuê, thừa kế và thế chấp. Tuy nhiên những quy định như hạn điền 3 ha, thời hạn giao đất 20 năm, cũng như hạn mức chuyển quyền sử dụng đất 6 ha đối với đất nông nghiệp... đã làm cản trở việc tích tụ ruộng đất, vì việc vượt hạn điền phải nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp, thời hạn giao đất ngắn, người nông dân ngại đầu tư, không thể đứng tên chính thức và thế chấp vay vốn với ruộng đất vượt hạn điền.

Ông V.V.K, xã Tuyên Thạnh, thị xã Kiến Tường kể về trường hợp của gia đình mình và một số trường hợp khác mà ông biết: “Đối với việc đi vay thế chấp ruộng thì các ngân hàng cũng không xét cho vay đối với diện tích vượt hạn điền trong sổ”. Ông P.V.N, xã Bình Tân, thị xã Kiến Tường thì “Ủng hộ nói hạn điền. Nếu không nói

thì cho con cái đứng tên. Không mượn người khác đứng tên vì sợ mất ruộng, đã có trường hợp này xảy ra”.

Không chỉ người dân, cán bộ địa phương cũng cho biết những trở ngại về chính sách trong việc tích tụ ruộng đất. Theo cán bộ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Long An: “địa bàn tỉnh nhiều hộ nông dân có từ mấy chục ha đất đến trang trại 300ha đều nhờ người đứng tên đất vượt hạn điền, và hiện chưa có hướng giải quyết vấn đề này vì đứng tên giùm nguy hiểm và gây tranh chấp”. Ngoài ra, theo ông này thì quản lý bằng hạn điền cũng không phải dễ vì “người ta mua tỉnh này vài ha, tỉnh kia vài ha cũng không biết được hạn điền”.

Luật đất đai 2013 đã có những điểm mới, thời hạn giao đất 50 năm và cho phép nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp không quá 10 lần hạn mức giao đất nông nghiệp, nhưng hạn điền vẫn là 3ha. Một lần nữa, tích tụ ruộng đất vẫn bị hạn điền ràng buộc, khi mà chỉ xét riêng về mặt kinh tế theo Nghị quyết số 55/2010/QH12 (được thực hiện từ ngày 1/1/2011 đến hết ngày 31/12/2020) thì chỉ đất trong hạn điền mới được miễn thuế.

3.2.4. Tập quán, lối sống của người dân Tây Nam Bộ

Tập quán di cư và làm thuê

Tây Nam Bộ là vùng đất mới, nơi lập nghiệp của dòng người di cư từ phía Bắc. Chính vì thế, di cư trở thành một yếu tố gắn với truyền thống phát triển của vùng đất và cư dân Tây Nam Bộ. Người ta dễ dàng bán đất hay cho

thuê đất để chuyển công việc khác hay đi đến nơi khác lập nghiệp hơn các vùng khác. Người có khả năng tài chính cũng sẵn sàng mua đất ở huyện khác tỉnh khác để lập nghiệp làm ăn.

Làm thuê cũng là cách kiếm sống bình thường đối với người dân miền Tây. Nhìn chung, họ không cầu nệ làm cho mình hay làm thuê, miễn là có thu nhập và sống được. Điều này đã dẫn đến việc họ dễ dàng trong việc bán hay cho thuê ruộng đất khi khó khăn hay không đủ năng lực sản xuất để đi làm thuê. Ở đây có hai mặt của vấn đề, một mặt nó làm cho người nông dân dễ rơi vào hoàn cảnh không đất với những hệ lụy, song mặt khác nó lại góp phần tạo điều kiện thuận lợi hơn cho tích tụ ruộng đất.

Tâm lý giữ đất

Ngược lại với tập quán di cư và làm thuê, thì nhiều nông dân vẫn có tâm lý gắn bó với đồng ruộng. Đó cũng là tâm lý chung của nông dân Việt Nam. Hơn thế nữa, đất đai miền châu thổ Đồng bằng sông Cửu Long lại trù phú, làm lúa thường có lãi dù ít dù nhiều. Đất đai còn là của cải cha mẹ để dành cho con. Đặc biệt đối với các chủ hộ gia đình đã tương đối lớn tuổi thì họ lại càng giữ chặt lấy ruộng đất, không bán mà chỉ muốn mua thêm nếu có điều kiện, hoặc là cho thuê. Ông N.V.D, xã Vĩnh Trị, huyện Vĩnh Hưng tâm sự: “Nếu không còn đủ sức làm thì giữ lại cho con, nếu không thì cho thuê chứ không bán đất”. “Có công chuyện, bệnh đau mới bán đất, còn

nếu không có sức khỏe để làm nữa thì cho thuê chứ không bán hết đất. Người nông dân rất yêu ruộng, vì vậy không dám cho con cái nhiều ruộng vì sợ con bán hết” cũng là chia sẻ của ông N.T.T, xã Bình Tân, thị xã Kiến Tường.

Theo khảo sát của Trần Hữu Quang (2013, tr. 95) có tới 83% số hộ trong mẫu khảo sát đồng ý với ý kiến cho rằng dù khó khăn đến đâu họ cũng phải giữ lấy ruộng đất.

Điều này đặt ra câu hỏi làm thế nào để người dân có thể rời bỏ ruộng đất khi không có khả năng canh tác hay không thể làm giàu, như vậy mới có cơ sở để đất đai tập trung vào cá nhân hay doanh nghiệp muốn làm ăn lớn.

3.2.5. Cơ hội việc làm phi nông nghiệp
Tập quán và tâm lý mang tính hai mặt đối với ruộng đất của người nông dân Tây Nam Bộ như trên làm nảy sinh ra câu hỏi phải chăng vì không có việc làm ngoài nông nghiệp nên người nông dân phải giữ đất? Và ngược lại nếu có việc làm phi nông nghiệp thì người nông dân có từ bỏ ruộng đất hay không?

Thực tế đối với những hộ gia đình không có nhiều đất, thu nhập từ nông nghiệp rất thấp, nhưng vì không có việc làm ngoài nông nghiệp nên họ không thể bán hay cho thuê đất, do đó không tạo cơ hội cho những hộ có điều kiện muốn tích tụ đất. Ông N.V.T, xã Vĩnh Bình, huyện Vĩnh Hưng, sau khi cho con trai lớn 1,4 mẫu, con gái 4 công, chỉ còn lại 9 công đất, nhưng ông với con trai út vẫn duy trì làm, vì

ông nói: “Chú và anh Út không làm lúa cũng không biết làm gì”. Ông V.V.K, xã Tuyên Thạnh, thị xã Kiến Tường cũng cho biết: “Bản thân chú nếu không có ruộng cũng không biết làm gì và cũng không thể phát triển kinh tế gia đình”.

Chỉ khi việc làm phi nông nghiệp mang lại thu nhập cao và ổn định thì một số hộ gia đình chấp nhận không sản xuất, từ bỏ ruộng đất bằng việc bán hoặc cho thuê đất. Ông V.V.P, xã An Ninh Đông, huyện Đức Hòa cho hay về tình hình trong ấp mà ông được biết: “Xung quanh có nhiều người bán ruộng (nhưng không bán hết) để làm nghề khác (kể cả làm thuê) hay mua sắm công cụ. Nhiều thanh niên trong ấp đi làm xí nghiệp vì làm công nhân thu nhập ổn định, khá hơn làm ruộng”.

Thực tế này cũng được nhận định qua khảo sát của Trần Hữu Quang (2014, tr. 27): Tỷ lệ chủ hộ được điều tra đồng ý với ý kiến cho rằng sẽ giữ ruộng dù khó khăn đến đâu giảm dần đối với những nông dân thuộc tầng lớp trên và nhất là những nông dân có làm nghề phi nông nghiệp. Đối với chủ hộ có từ 1 đến 2 công đất (1.000-2.000m²) thì tỷ lệ đồng ý là 96-100%, giảm còn 88% đối với chủ hộ có làm thêm ngành nghề phi nông nghiệp, còn 71% đối với chủ hộ khá giả làm thêm ngành nghề phi nông nghiệp, và còn 67% đối với chủ hộ chuyên làm ngành nghề phi nông nghiệp.

Như vậy cơ hội việc làm phi nông nghiệp có thể là một trong những câu trả lời cho bài toán giải phóng bớt lao

động nông nghiệp khỏi ruộng đất, điều kiện cần để tích tụ ruộng đất.

3.2.6. Độ màu mỡ của ruộng đất

Không thể phủ nhận rằng lợi nhuận từ sản xuất nông nghiệp là một yếu tố thôi thúc người nông dân mua thêm ruộng đất hoặc bán đi ruộng đất (thậm chí bỏ hoang ruộng đất của mình), mà lợi nhuận nông nghiệp phụ thuộc khá nhiều vào độ màu mỡ của ruộng đất.

Đa số đất đai ở Tây Nam Bộ có điều kiện tự nhiên thuận lợi, trù phú, phù hợp với sản xuất nông nghiệp nên canh tác trên ruộng đất vẫn có thể sống được và có thể làm giàu nếu có nhiều ruộng và biết làm ăn.

Huyện Vĩnh Hưng và thị xã Kiến Tường là hai vùng đất màu mỡ, thích hợp trồng lúa cho năng suất cao và có lợi nhuận. Ông N.T.T, xã Tuyên Thạnh, thị xã Kiến Tường hiện có 3 mẫu ruộng cho hay: “Vụ đông xuân thu được 9 tấn lúa tươi/mẫu, giá 4500đ/kg, dư được 15-16 triệu/mẫu. Vụ hè thu thu được 6 tấn/mẫu, dư được 7-8 triệu/mẫu... Hai vợ chồng có thể làm được 10 mẫu ruộng và muốn mua thêm đất”. Ông N.C.T, xã Vĩnh Bình, huyện Vĩnh Hưng, có 20 mẫu ruộng và hiệu quả khá cao: “Năm vừa rồi trồng 3 loại lúa, năng suất vụ đông xuân lúa thơm đạt 7,8 tấn/ha lúa tươi. Vụ hè thu năng suất lúa thơm đạt 5 tấn/ha, lúa ngang thì đạt 7 tấn/ha. Vụ đông xuân sau thu hoạch trừ mọi chi phí thì dư hơn 300 triệu, hè thu còn khoảng dưới 200 triệu... mình ham ruộng, có 10 mẫu thì muốn làm 11 mẫu, thành ra tiền không bao giờ đủ”.

Tuy nhiên, một số nơi thuộc huyện Đức Hòa thì đất đai kém màu mỡ, thí dụ như xã An Ninh Tây, ở đây lợi nhuận canh tác thấp, không thúc đẩy tích tụ ruộng đất. Bà H.T.Đ, xã An Ninh Tây, huyện Đức Hòa, hiện có 1,3 mẫu ruộng, làm lúa hai vụ, một vụ màu, nhưng bà không có ý định mua thêm ruộng vì lợi nhuận trồng lúa không cao: “Vụ đông xuân thu hoạch được 5 tấn/ha dư được 9 triệu, vụ hè thu thu hoạch được 6 tấn/ha, dư được 6 triệu (thu hoạch nhiều hơn đông xuân là nhờ nhà nước bơm nước tưới)”. Còn trồng màu (trồng đậu phộng) thì bị lỗ: “Thu hoạch đậu 1,8 tấn, lỗ 10 triệu (vốn 22 triệu nhưng bán ra chỉ được 12 triệu).”

Khảng định thêm về thực tế này ở An Ninh Tây, cán bộ phụ trách khuyến nông cho biết: “Vùng này năng suất lúa thấp, bình quân chỉ 5,5 tấn/ha vụ đông xuân, 4,5 tấn/ha vụ hè thu. Làm màu như trồng đậu phộng, trồng rau... thu nhập bấp bênh, năm được năm mất. Người dân không làm ruộng, bán đất nhiều nhất là đất dọc tuyến đường quốc lộ”.

Từ thực tế này chính sách của nhà nước cần xem xét khuyến khích tích tụ tùy thuộc vào điều kiện sản xuất nông nghiệp của từng địa phương.

3.2.7. Hoàn cảnh gia đình

Hoàn cảnh kinh tế của hộ gia đình khác nhau sẽ có những ứng xử khác nhau đối với ruộng đất của mình.

Đối với hộ có điều kiện kinh tế, đủ năng lực tài chính đa số sẽ mua hoặc thuê thêm ruộng đất, tích tụ ngày càng

nhiều. Ông N.T.C, xã Vĩnh Bình, huyện Vĩnh Hưng có đủ năng lực mua và thuê đất. Ông cho hay với giá đất hiện nay khoảng 400 triệu/mẫu ruộng thì: “Với hiệu quả kinh tế hàng năm trên 20 mẫu ruộng thì chủ hộ sau vài năm có thể mua thêm ruộng. Điều kiện gia đình có thể thuê thêm đất nhưng hiện nay trong ấp cũng không có hộ nào cho thuê, hầu như mọi người đều trực tiếp làm.” Ông V.V.K, xã Tuyên Thạnh, thị xã Kiến Tường, cũng là người mua được nhiều ruộng đất nhờ có điều kiện kinh tế, cho biết “số lần mua thêm ruộng khoảng 5-6 lần, thường 1,5 năm đến 2 năm lại mua được”.

Đối với hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn, làm ăn thua lỗ, bệnh tật... thì có thể phải bán hoặc cầm cố ruộng đất. Những hộ này tham gia vào quá trình tích tụ ruộng đất ở khía cạnh tạo cơ hội cho những hộ có điều kiện mua lại. Hoàn cảnh gia đình họ đôi khi được hé lộ thông qua những người mua đất. Ông V.V.K, xã Tuyên Thạnh, thị xã Kiến Tường cho biết: “Khoảng năm 1990 mua đất lần đầu tiên được 2,4 mẫu, người bán là người chị trong họ hàng, do bị bệnh thiếu tiền nên bán. Lần mua đất gần đây nhất là năm 2009, được 2,4 mẫu ruộng. Người bán là em bên vợ do vay mượn nhà nước làm ăn thua lỗ phải bán ruộng trả”. Ông H.C.T, xã An Ninh Tây, huyện Đức Hòa, cũng cho biết về hoàn cảnh người bán đất như sau: “Năm 1992 mua được 5 công, giá là 5 cây. Người bán đất là do làm ăn thua lỗ. Năm 2010 mua được 1ha, giá là 8

cây. Không cần đi vay mượn. Riêng năm 2008, cho người ta cầm cố 2,5ha đất, giá 6 cây. Người cầm đất là do làm ăn thua lỗ, tự người ta tìm đến ông để cầm”.

Hoàn cảnh gia đình khác nhau sẽ cần đến những chính sách khác nhau. Với hộ gia đình khó khăn có thể hỗ trợ sinh kế khác thay thế sinh kế nông nghiệp, ngược lại với hộ có điều kiện thì nên hỗ trợ về mặt thủ tục pháp lý, thuế, khoa học kỹ thuật... để thúc đẩy tích tụ ruộng đất có hiệu quả.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu về đất đai và tích tụ ruộng đất từ trước đến nay đã chứng minh những yếu tố ảnh hưởng đến tích tụ ruộng đất rất đa dạng. Ở nghiên cứu này, ngoài những kết quả tương đồng còn tìm ra được một số yếu tố khác ảnh hưởng đến tích tụ ruộng đất ở vùng Tây Nam Bộ. Phương pháp nghiên cứu chủ yếu là kết hợp sử dụng mô hình kinh tế lượng và khảo sát định tính. Kết quả phân tích cho thấy có sáu nhóm yếu tố ảnh hưởng đến tích tụ ruộng đất Tây Nam Bộ như sau:

- (i) Đặc điểm của hộ gia đình (tuổi chủ hộ, thu nhập và tài sản cố định của hộ gia đình, hoàn cảnh hộ gia đình).
- (ii) Sinh kế hộ gia đình (tỷ lệ thu nhập phi nông nghiệp của hộ gia đình, cơ hội việc làm phi nông nghiệp).

(iii) Điều kiện sinh thái (độ màu mỡ của đất đai).

(iv) Chính sách (chính sách đất đai và tích tụ ruộng đất, chính sách thuế, vốn vay cho hoạt động sản xuất nông nghiệp).

(v) Thị trường đất đai Tây Nam Bộ (lịch sử ruộng đất, đặc điểm thị trường ruộng đất, tỷ lệ giao dịch chuyển nhượng đất).

(vi) Tập quán, lối sống dân cư Tây Nam Bộ (tập quán di cư và làm thuê; tâm lý giữ đất).

Trong những yếu tố ảnh hưởng đến tích tụ ruộng đất ở Tây Nam Bộ, có những yếu tố có ảnh hưởng khá mạnh, được khẳng định cả ở kết quả mô hình kinh tế lượng và kết quả khảo sát thực địa, là yếu tố thuộc về nhóm sinh kế hộ gia đình, thị trường đất đai và chính sách. Nhưng cho dù có trực tiếp liên quan đến chính sách hay không thì suy cho cùng tất cả các yếu tố ảnh hưởng đến tích tụ ruộng đất vùng Tây Nam Bộ vẫn có thể chịu tác động của chính sách. Do đó, dựa trên cơ sở các yếu tố ảnh hưởng, kết hợp với việc phân tích các tác động xã hội của tích tụ ruộng đất và đặt trong bối cảnh hội nhập, nghiên cứu tiếp theo sẽ hướng đến phân tích và đề xuất chính sách nhằm thúc đẩy quá trình tích tụ ruộng đất ở Tây Nam Bộ mạnh mẽ và hiệu quả hơn, đồng thời vẫn đảm bảo sự phát triển bền vững của vùng. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Luật đất đai năm 2003 và 2013 quy định về hạn mức giao đất nông nghiệp đối với đất trồng cây hàng năm cho mỗi hộ gia đình, cá nhân không quá 3ha. Do đó có thể coi hộ gia đình trong thời gian từ 2004 - 2008, diện tích ruộng đất tăng đến trên 3ha là hộ có tích tụ đất, các hộ còn lại được xếp vào hộ không tích tụ ruộng đất.

⁽²⁾ Trong điều kiện thực tế của cơ sở dữ liệu, các kết quả của mô hình chỉ được phân tích ở mức ý nghĩa thống kê 1% và 5%.

⁽³⁾ Mô hình pooled thực chất là việc sử dụng dữ liệu bảng để phân tích bằng hình thức sử dụng tất cả dữ liệu xếp chồng không phân biệt từng kỳ riêng để ước lượng các tương quan trong mô hình. Mô hình hồi quy tuyến tính được sử dụng để xác định mối quan hệ tuyến tính giữa một hoặc nhiều biến giải thích với một biến phụ thuộc dạng liên tục bằng phương pháp ước lượng bình phương nhỏ nhất OLS.

⁽⁴⁾ Mô hình Logit là một dạng hàm xác suất logistic được ước lượng dựa trên phương pháp hợp lý hóa tối đa (Maximum Likelihood - ML). Trong đó, biến số phụ thuộc là biến nhận giá trị 1 cho biến cố xảy ra, 0 cho trường hợp ngược lại và một nhóm biến số giải thích tác động đến xác suất của biến cố xảy ra.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bùi Quang Dũng. 2011. *Một số vấn đề về ruộng đất qua cuộc điều tra nông dân 2009 - 2010*. Tạp chí Khoa học Xã hội số 9(157).
2. *Luật đất đai* năm 2003, 2013.
3. Tổng cục Thống kê. 2007, 2012. *Báo cáo kết quả tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2006 và 2011*. Hà Nội: Nxb. Thống kê.
4. Tổng cục Thống kê. 2014. *Niên giám thống kê 2013*. Hà Nội: Nxb. Thống kê.
5. Tổng cục Thống kê. *Cơ sở dữ liệu về Điều tra Mức sống hộ gia đình Việt Nam (VHLSS) năm 2004, 2006, 2008, 2010, 2012*. Số liệu gốc không công bố.
6. Trần Hữu Quang. 2013. *Một số đặc trưng về định chế xã hội và con người ở Nam Bộ trong tiến trình phát triển bền vững giai đoạn 2011 - 2020*, Đề tài cấp bộ năm 2011 - 2012, cơ quan chủ trì Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.
7. Trần Hữu Quang. 2014. *Nông dân và ruộng đất ở Nam Bộ: Những đặc trưng và bài toán phát triển*. Tạp chí Xã hội học số 3(127).
8. Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn. 2009. *Báo cáo đất thuộc đề tài Một số vấn đề phát triển nông nghiệp nông thôn Việt Nam*.